

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức học phí năm học 2018-2019 các hệ đào tạo  
Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp**

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 3 năm 2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi học phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTCBLĐTBXH của Bộ giáo dục và Đào tạo - Bộ tài chính - Bộ lao động thương binh và Xã hội ngày 30/3/2016 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng chính phủ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "*Quy định mức học phí năm học 2018-2019 các hệ đào tạo Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp*".

**Điều 2.** Quy định về mức học phí ban hành theo Quyết định này có hiệu lực thi hành từ học kỳ 1 năm học 2018-2019 và thay thế cho các Quy định trước đây trái với quy định này.

**Điều 3.** Các đơn vị, cá nhân trong Trường; tất cả sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Nhà trường và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Các đơn vị liên kết đào tạo (để phối hợp t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG 



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2018

## QUY ĐỊNH

### Quy định mức học phí năm học 2018-2019 các hệ đào tạo

#### Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/QĐ-ĐHKTCN ngày 13/8/2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)

### I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

1. Quy định này áp dụng cho sinh viên thuộc hệ đại học chính quy, học chương trình hai (CQ), liên thông chính quy (LTCQ), văn bằng 2 (VB2), vừa làm vừa học (VLVH), sinh viên Chương trình tiên tiến, học viên cao học, nghiên cứu sinh của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

2. Sinh viên các hệ liên kết đào tạo 2 + 2, các lớp đào tạo cấp chứng chỉ, ..., có quy định riêng.

3. Quy định nhiệm vụ của các đơn vị, quy trình thu học phí của hệ đại học CQ, LTCQ, VB2, VLVH thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-ĐHKTCN ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

### II. QUY ĐỊNH VỀ MỨC HỌC PHÍ

#### 1. Quy định chung

- Đối với sinh viên thuộc hệ đại học chính quy (CQ, LTCQ, VB2, ...) đào tạo theo hệ thống tín chỉ, mức học phí được quy định theo tháng và quy đổi sang theo tín chỉ học phí. Mức thu học phí của một tín chỉ học phí được xác định căn cứ vào tổng thu học phí của toàn khóa học theo nhóm ngành đào tạo và tổng số tín chỉ của ngành đó (đồng/tín chỉ). Giao cho Phòng chức năng tính cụ thể cho từng hệ, khối lớp dựa trên mức thu học phí theo tháng và chương trình đào tạo tương ứng.

- Đối với sinh viên Chương trình tiên tiến, Học viên cao học và Nghiên cứu sinh, mức học phí tín chỉ được xác định dựa trên quy định mức học phí theo tháng và chương trình đào tạo hiện hành.

- Sinh viên thuộc đối tượng miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, thực hiện theo các quy định hiện hành.

#### 2. Quy định cụ thể

##### 2.1. Mức học phí theo tháng

Mức học phí của các hệ tính 1 năm x 10 tháng được quy định cụ thể như sau:

- |                                       |                      |
|---------------------------------------|----------------------|
| - Chương trình Tiên tiến:             | 1.800.000 đồng/tháng |
| - Đào tạo Sau đại học:                |                      |
| + Đào tạo thạc sĩ các ngành kỹ thuật: | 1.440.000 đồng/tháng |



+ Đào tạo tiến sĩ các ngành kỹ thuật: 2.400.000 đồng/tháng

## 2.2. Mức học phí theo tín chỉ

- Đối với hệ đại học chính quy khối ngành kỹ thuật:

+ Khóa K50 và các Khóa về trước, mức học phí một tín chỉ học phí: 290.000 đồng/tín chỉ.

+ Khóa K51 và K52, mức học phí một tín chỉ học phí: 265.000 đồng/tín chỉ.

+ Khóa K53 và K54 các ngành kỹ thuật (chương trình 4,5 năm), mức học phí một tín chỉ học phí: 240.000 đồng/tín chỉ.

- Đối với hệ đại học chính quy khối ngành công nghệ:

+ Khóa K52 và các Khóa về trước, mức học phí một tín chỉ học phí: 290.000 đồng/tín chỉ.

+ Khóa K53 và K54, mức học phí một tín chỉ học phí: 240.000 đồng/tín chỉ.

- Đối với khối ngành kinh tế, ngôn ngữ Anh hệ đại học chính quy, mức học phí một tín chỉ học phí: 245.000 đồng/tín chỉ

- Đối với hệ Đại học đào tạo theo hình thức VLVH; các tín chỉ bổ sung kiến thức, mức học phí tính theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ tối đa được tính bằng 1,5 lần học phí hệ đại học chính quy tùy theo khối ngành. Căn cứ số lượng sinh viên của từng lớp, Nhà trường có quy định cụ thể các hệ số như sau:

+ Sĩ số lớp dưới 45 sinh viên: hệ số 1,5

+ Sĩ số lớp từ 45 đến 60 sinh viên: hệ số 1,4

+ Sĩ số trên 60 sinh viên: hệ số 1,3

## III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy định này áp dụng cho các hệ đào tạo của Nhà trường từ học kỳ 1 năm học 2018 – 2019.

Quy định mức học phí được Nhà trường điều chỉnh hàng năm theo đúng lộ trình quy định tại Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Duy Cường